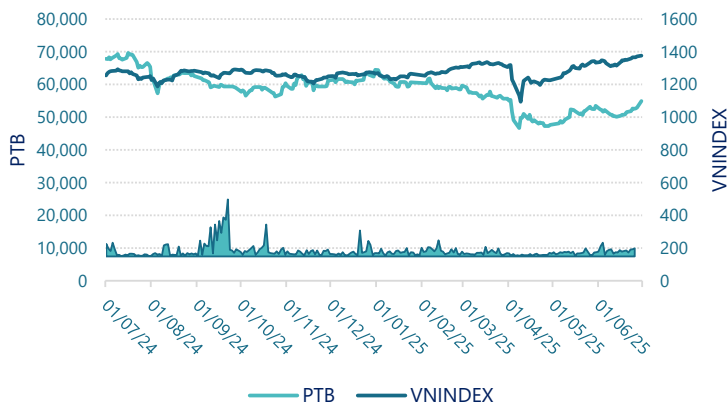




CTCP Phú Tài (HSX: PTB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	54,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	69,638
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	46,672
SL cổ phiếu LH	66,938,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	114,570
% sở hữu nước ngoài	13.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,675
P/E	9.0
EPS	6,108

DT thuần

Q2/25

1,905

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 285 | 17.6%

YoY: ▲ 297 | 18.4%

LN sau thuế

Q2/25

129

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0 | 10.5%

YoY: ▲ 15.0 | 13.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.3%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

6T 2025

3,525

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 480 | 15.8%

LN sau thuế

6T 2025

246

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 43.0 | 21.0%

ROE

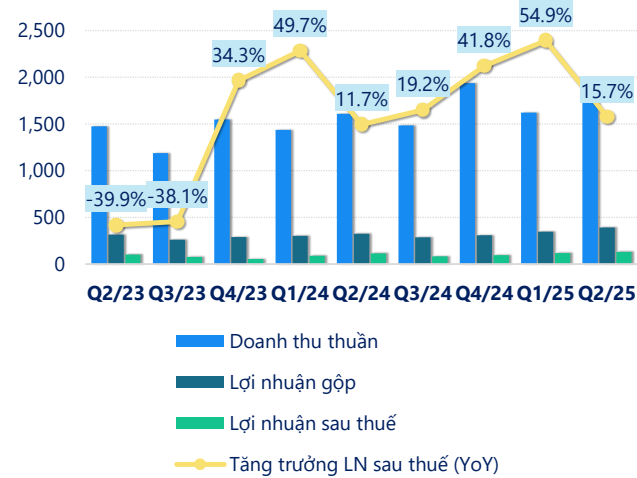
Q2/25

13.6%

+/- YoY: ▲ 2.0%

tỷ VNĐ

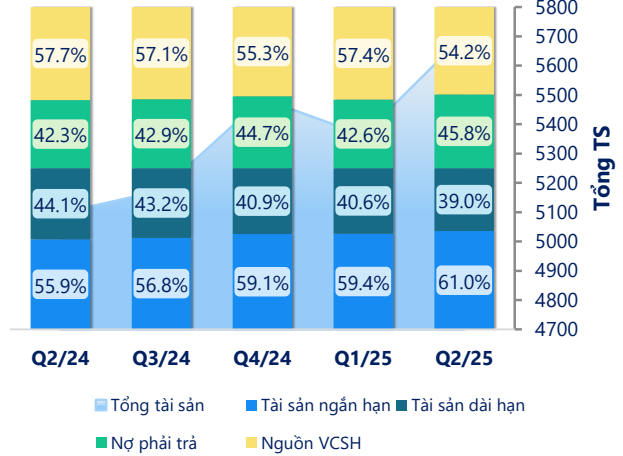
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

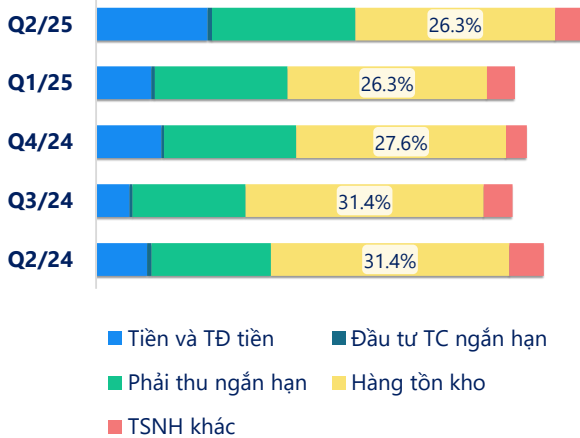
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



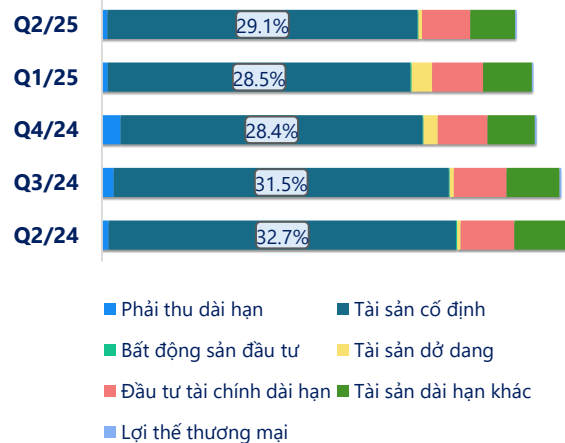
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

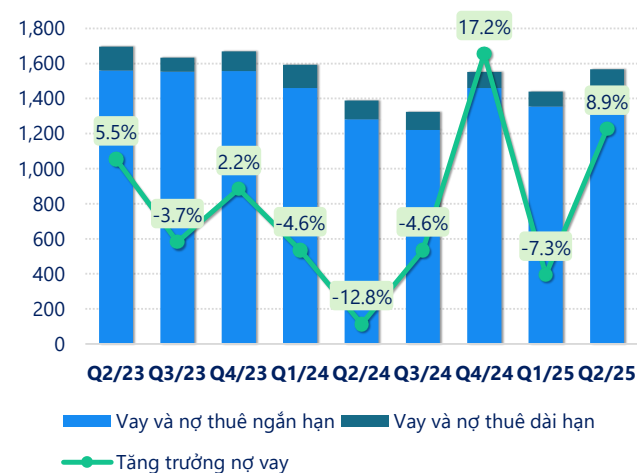
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

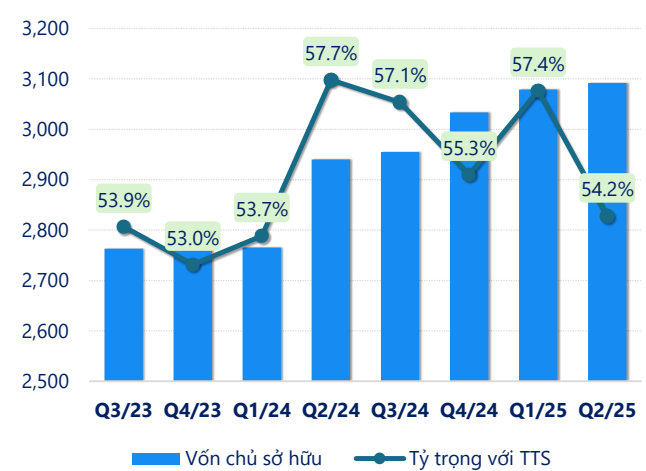
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

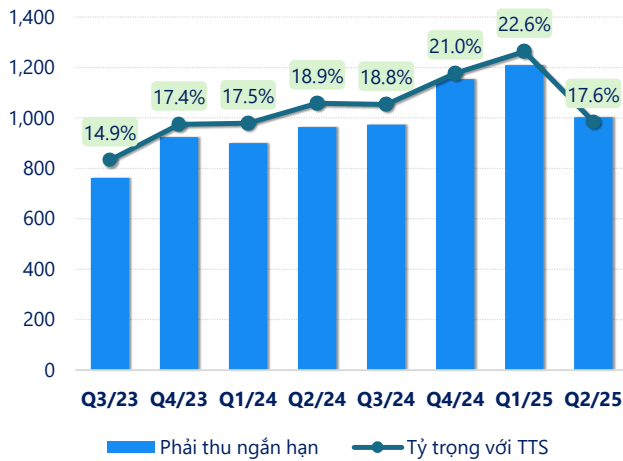
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



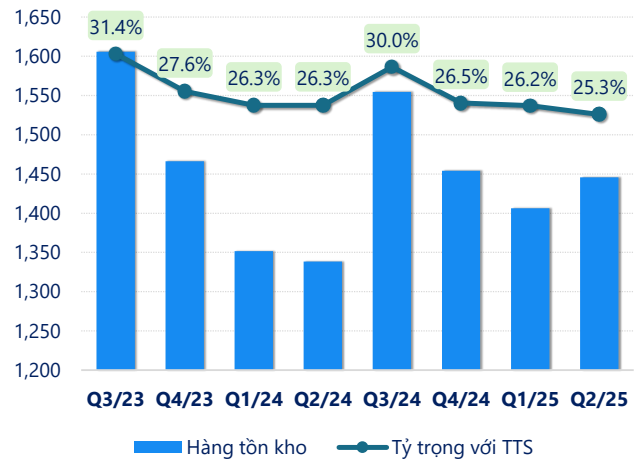
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


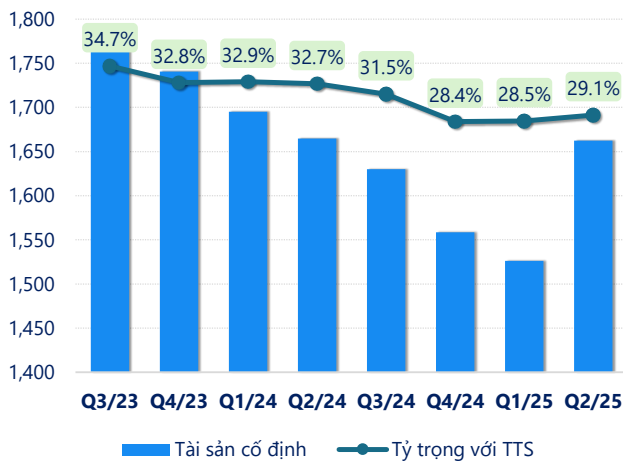
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


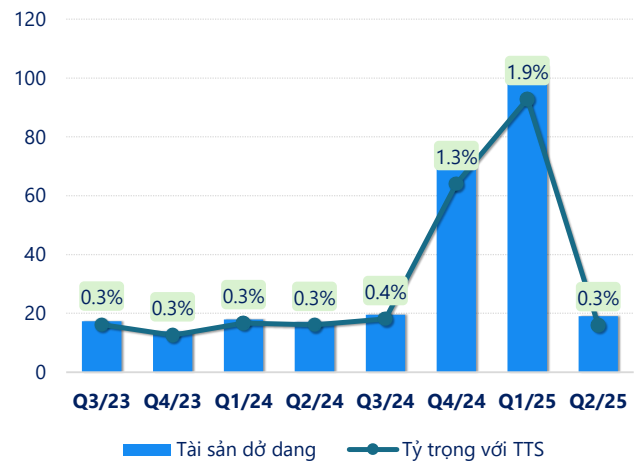
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

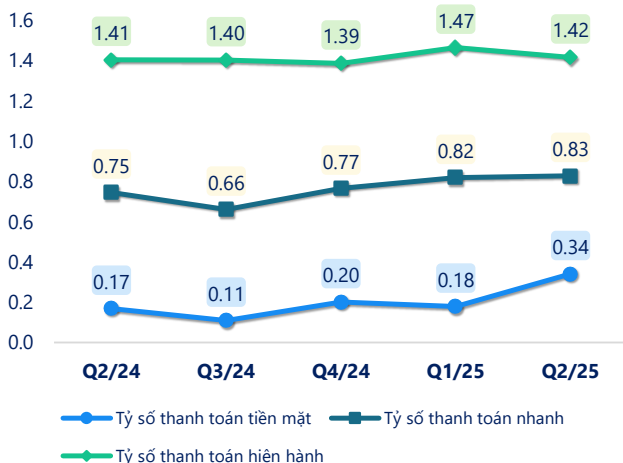
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

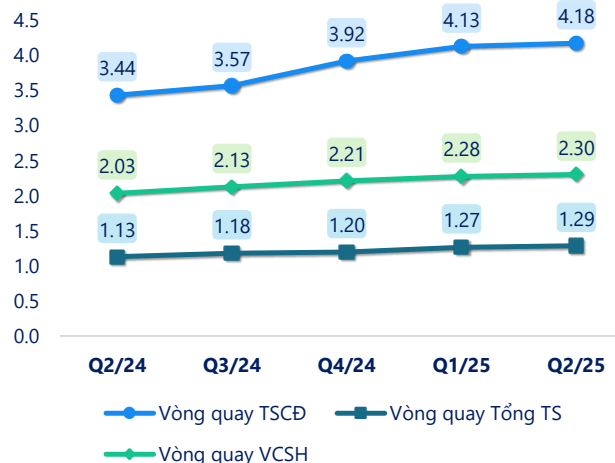
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	5,096	5,174	5,488	5,362	5,704
Tài sản ngắn hạn	2,851	2,939	3,245	3,187	3,480
Tiền và tương đương tiền	342	229	471	389	837
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.4	26.4	26.1	24.6	33.9
Phải thu ngắn hạn	963	973	1,154	1,210	1,003
Hàng tồn kho	1,338	1,555	1,454	1,406	1,446
Tài sản ngắn hạn khác	178	156	140	157	160
Tài sản dài hạn	2,245	2,235	2,243	2,175	2,224
Phải thu dài hạn	32.1	57.0	96.5	29.5	30.0
Tài sản cố định	1,665	1,630	1,559	1,526	1,662
Bất động sản đầu tư	5.27	5.21	5.15	5.10	5.04
Tài sản dở dang	17.1	19.5	73.2	104	19.1
Đầu tư tài chính dài hạn	257	257	257	257	258
Tài sản dài hạn khác	259	257	244	245	242
Lợi thế thương mại	10.4	9.62	8.84	8.06	7.28
Nợ phải trả	2,156	2,219	2,455	2,284	2,612
Nợ ngắn hạn	2,029	2,094	2,340	2,175	2,456
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,282	1,222	1,461	1,354	1,436
Phải trả người bán ngắn hạn	457	479	516	492	465
Nợ dài hạn	127	125	115	109	156
Vay và nợ thuê dài hạn	106	103	91.7	84.9	131
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,940	2,955	3,033	3,079	3,092
Vốn chủ sở hữu	2,940	2,955	3,033	3,079	3,092
Vốn điều lệ	669	669	669	669	669
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)